TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HS-ST
Ngày: 30/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Hùng
2. Bà Lò Thị Trực

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Kiểm sát viên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên;

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1016/2026/QĐXXST-HS, ngày 12/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1013/2026/QĐST-HS ngày 24/6/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thanh T; Sinh ngày 23/8/2006 tại xã C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038206018827; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thanh T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực Cẩm Thủy (cơ sở 1), tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Hùng D; Sinh ngày 13/11/1999 tại xã C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Tg, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038099010007; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Chung Thị H; Vợ: Hà Thúy N và 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Hùng D bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực Cẩm Thủy (cơ sở 1), tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Văn L; Sinh ngày 05/6/2000 tại xã C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038200026434; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị R; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Văn L bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực Cẩm Thủy (cơ sở 1), tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phạm Văn T; Sinh ngày 15/5/2005 tại xã C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038205015650; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Văn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2026 đến ngày 21/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Hà Mạnh H; Sinh ngày 28/7/2000 tại xã C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038200007636; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn N và bà Phạm Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Hà Mạnh H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2026 và tại ngoại cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Hà Mạnh H; Sinh ngày 28/7/2000

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa,

Có mặt tại phiên toà.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Tiến D, sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Kiều T, sinh năm: 2008

Trú tại: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 2005

Trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

4. Anh Phạm Văn V, sinh năm: 1997

Trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 2005

Trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

6. Chị Phạm Thị L, sinh năm: 2006

Trú tại: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

7. Chị Lương Thị T (tên gọi khác: Lương Huyền M), sinh năm: 2007

Trú tại: Thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

8. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm: 2006

Trú tại: Thôn B, xã C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/01/2026, Phạm Văn T sinh năm 2005, Trần Thanh T sinh năm 2006, Nguyễn Hữu Đ sinh năm 2005, Nguyễn Hữu T sinh năm 2005; Phạm Văn L sinh năm 2000; Phạm Văn V sinh năm 1997 cùng trú tại thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa; Phạm Thị Kiều T, sinh năm 2008, trú tại thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hóa (là người yêu của T) và Phạm Thị L, sinh năm 2006, trú tại thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hóa ngồi uống nước ở khu vực cổng làng thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, tất cả cùng đến quán Mái Lá tại thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa để ăn đêm và uống rượu.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho Lương Thị T, sinh năm 2007, trú tại thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hoá (là người yêu của T) và Lương Ngọc Á, sinh năm 2009, trú tại xã M, tỉnh Thanh Hóa đến uống rượu cùng. Khi T và Á đến, T mời rượu nhưng T và Á từ chối. Sau đó, T thấy T gọi điện thoại nói chuyện với Hà Mạnh H rủ nhau đi uống rượu riêng. Nghe vậy, T bực tức nên đuổi T và Á đi về. Sau đó, T gọi điện thoại cho H và Phạm Hùng D đến uống rượu cùng (Với ý định nếu H láo thì sẽ đánh). Khi H và D đến thì T tiếp tục gọi điện thoại cho Bùi Văn Đ, sinh năm 2006, trú tại thôn B, xã C, tỉnh Thanh Hóa đến ngồi ăn uống cùng. Quá trình ngồi ăn uống thì H trêu đùa và mời rượu T thì Txin uống hộ nhưng anh H không đồng ý. Thấy vậy, Tnói với T: "Anh thấy me thằng này lắm rồi" (Tức là T thấy tức, muốn đánh H), T nói lại: "Em hiểu rồi". Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/01/2026, T và H xảy ra mâu thuẫn chửi bới nhau. Thấy vậy, D rủ cả nhóm cùng đến quán Karaoke 36 ở thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa để hát Karaoke. Do bực tức với H nên khi chuẩn bị đi T có nói với T "Để anh về lấy dao", T nói "Để em chở anh về". T đứng gần đó nghe được thì can ngăn nhưng không được nên ngồi cùng xe về nhà T. Đến nơi, T vào trong bếp gia đình lấy 01 (một) con dao (dạng dao bầu), đầu nhọn, một lưỡi sắc và 01 (một) con dao (dạng dao phay) đầu nhọn, một lưỡi sắc. T đi ra cất 02 (hai) con dao vào cốp xe rồi T tiếp tục đưa T và T đến quán Karaoke 36. Trên đường đi thì gặp Đ, L, T, V, L đang đứng ở đầu thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. T dừng xe và hỏi "Bọn hấn đâu rồi" (ý là hỏi nhóm của H đang ở đâu), có người trả

lời "Đang hát ở trên 36". Lúc này, T nói với Đ về việc T và T đi tìm nhóm H để đánh nhau. Nghe vậy, Đ can ngăn thì T dùng tay đẩy vào vai Đ rồi lấy trong cốp xe mô tô ra 01 (một) con dao phay thì L can ngăn, giật con dao phay trong tay T. Đ can ngăn không được, bực tức nên cùng L, V đi về nhà. Sau đó, T rủ cả nhóm đi lên quán Karaoke 36. Đến quán, L đưa lại con dao phay cho T, T cất giấu ở ngoài sân quán Karaoke rồi cả nhóm cùng đi vào phòng hát VIP5. Tại đây, T chửi bới T, đập vỏ chai bia xuống nền nhà, khiến vỏ chai bia vỡ. D vào can ngăn và nói "Có tạo ở đây, bay không nể tao à". Sau đó, cả nhóm kéo nhau ra khu vực sân quán hát. Lúc này, T cầm con dao phay đe dọa, thách thức đánh nhau. D thấy mình là "Đàn anh" nhưng can ngăn không được nên bực tức, chửi bới, thách thức lại T. Chủ quán Karaoke 36 thấy vậy, can ngăn và đuổi cả nhóm đi về. T cất dao vào cốp xe mô tô rồi chở T và T đi về, L và T điều khiển xe mô tô đi theo. Khi đi đến khu vực chân dốc Mỏ Cuội thuộc thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hoá thì T dừng xe bên lề đường Quốc lộ 217 (cũ), phía bên bờ sông Mã. T nói "Đứng đợi đây, xem bọn nó có đi tìm không" (Ý nói đợi nếu D, H, Đ đến thì sẽ đánh). Còn D điều khiển xe mô tô chở H về nhà mình lấy 01 (một) thanh kiếm ra đưa cho H ngồi sau cầm theo. Khi gặp nhóm của T tại khu vực chân dốc Mỏ Cuội thuộc thôn C, xã C, Thanh Hoá thì D dừng xe, xuống xe rồi giật thanh kiếm trong tay H đi về phía nhóm của T và nói "Anh đã bảo có anh ở đây bọn mày không được đánh nhau, bay là em của tao". T thấy H cầm theo thanh kiếm thì mở cốp xe lấy 01 (một) con dao phay ra và nói lại "Em chả sợ gì cả". D cầm thanh kiếm và T cầm con dao lao vào thách thức đánh nhau thì T và L chạy vào can ngăn. T giật được thanh kiếm trong tay D và con dao phay trong tay T vứt xuống bụi cỏ ven đường rồi cùng L kéo D sang phía bên kia đường để nói chuyện, hòa giải. Còn T lại mở cốp xe lấy tiếp con dao bầu ra. Lúc này, H chạy lại dùng tay kẹp cổ T, T đẩy H ra, H quay đầu bỏ chạy thì T dùng tay phải cầm dao bầu chém một cái vào vùng cổ của H. H bị thương, dùng tay ôm cổ bỏ chạy, T cầm dao đuổi theo H khoảng 200 mét thì dừng lại. T quay lại và nhặt thanh kiếm lúc nãy T vứt xuống bụi cỏ.

Lúc này, Đ đi xe mô tô một mình từ phía thôn Thành L hướng về chỗ nhóm T đang đứng. Đ thấy T một tay cầm dao, một tay cầm thanh kiếm thì quay đầu xe bỏ chạy. Thấy vậy, L điều khiển xe mô tô chở T ngồi giữa, T ngồi sau đuổi theo đánh Đ. Khi lên xe, T đưa con dao bầu cho T, còn T cầm thanh kiếm. Quá trình đuổi, T ném con dao bầu về phía Đ nhưng không trúng. Sau đó, T tay phải cầm thanh kiếm chém trúng vào vùng lưng của Đ. Đ quay đầu bỏ chạy thì T xuống xe chạy lại nhặt con dao bầu rồi L điều khiển xe quay lại tiếp tục đuổi theo Đ. Khi gặp D thì L dừng xe, lúc này T đi lại xin lỗi D và trả thanh kiếm cho D, còn T đưa dao bầu lại cho T rồi cả ba đi về. Còn H bỏ chạy trốn vào một nhà dân sau đó được D đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực N.

Hậu quả:

- Bùi Văn Đ không bị thương tích gì.

- Hà Mạnh H bị 01 vết thương vùng cổ kéo dài từ má phải qua góc hàm đến vùng cổ bên phải, đứt một phần cơ, bờ mép sắc nhọn, vết thương dài 10cm.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường**

- Hiện trường nơi xảy ra đánh nhau được xác định tại đường Quốc lộ 217 (cũ) thuộc địa phận thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- Hiện trường nơi xảy ra vụ việc T lùa chém Đ được xác định tại đường Quốc lộ 217 (cũ) thuộc địa phận thôn Chiềng Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

*** Kết quả giám định thương tích**

Tại bản Kết luận giám định số 989/KL-KTHS ngày 06/3/2026 của Viện khoa học hình sự. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Mạnh H tại thời điểm giám định là: 04% (bốn phần trăm).

*** Kết quả giám định ADN**

Tại bản kết luận giám định số 1687/KL-KTHS ngày 30/3/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: "Trên 02 (hai) con dao và 01 (một) thanh kiếm gửi giám định đều không tìm thấy dấu vết máu người. Đều có ADN của người, do nồng độ ADN thấp nên không xác định được kiểu gen;

*** Kết quả giám định vũ khí**

Tại bản kết luận giám định số 1641/KL-KTHS ngày 26/3/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

+ 01 (một) vật dài 29,2 cm và 01 (một) vật có ký hiệu "XƯỞNG RÈN || T 0372583068 THÉP KHÔNG RỈ" gửi giám định là dao sắc, nhọn, thuộc Phụ lục 5 "Danh mục dao có tính sát thương cao" ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an;

+ 01 (một) vật dài 94 cm gửi giám định là kiếm, thuộc Phụ lục 3 "Danh mục vũ khí thô sơ" ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an;

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

Quá trình xác minh, giải quyết tin báo tội phạm và điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 (một) vật dài 29,2cm, không có ký hiệu (dao bầu) dao của Phạm Văn T.

- 01 (một) vật có ký hiệu "XƯỞNG RÈN || T 0372583068 THÉP KHÔNG RỈ" (dao phay) dao của Phạm Văn T.

- 01 (một) vật dài 94cm, không có ký hiệu (thanh kiếm), kiếm của Phạm Hùng D.

Hiện các vật chứng trên đã chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô HONDA, màu đen, gắn BKS: 36L1-071.29 do Phạm Văn T sử dụng; 01 xe mô tô EXCITER, màu đỏ vàng đen, gắn BKS: 36B8- 408.16 do Hà Mạnh H sử dụng; 01 xe mô tô SYM, màu vàng, gắn BKS: 15B1-970.63 do Trần

Thanh T sử dụng. Các bị cáo sử dụng phương tiện để lùa đuổi đánh nhau vào tối ngày 20/01/2026 chủ sở hữu hợp pháp đều không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện gia đình của bị cáo Trần Thanh T đã đền bù về phần dân sự cho Hà Mạnh H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Hà Mạnh H đã nhận đủ và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 114/CT-VKSTHA-P2 ngày 27/5/2026 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo: Trần Thanh T tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX:

T bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

T bố các bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Từ 17 (mười bảy) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H.

Xử phạt bị cáo Phạm Hùng D từ 27 (hai mươi bảy) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng đến 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 27 (hai mươi bảy) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng đến 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ từ 27 (hai mươi bảy) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng đến 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Hà Mạnh H từ từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) tháng đến 54 (năm mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

- *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với các vật chứng đã được trả lại cho chủ sỡ hữu hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với các vật chứng là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu, sung ngân sách nhà nước gồm:

+ 01 (một) vật dài 29,2cm, không có ký hiệu (dao bầu) dao của Phạm Văn T được Trần Thanh T sử dụng để chém Hà Mạnh H.

+ 01 (một) vật có ký hiệu "XƯỞNG RÈN || T 0372583068 THÉP KHÔNG RỈ" (dao phay) dao của Phạm Văn T được Trần Thanh T sử dụng để thách thức đánh nhau với Phạm Dùng D.

+ 01 (một) vật dài 94cm, không có ký hiệu (thanh kiếm), kiếm của Phạm Hùng D được Trần Thanh T sử dụng để ném về phía Đ.

- *Về dân sự:* Đại diện gia đình của Trần Thanh T đã đền bù về phần dân sự cho Hà Mạnh H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Hà Mạnh H đã nhận đủ và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về đn phí:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng. Xét thấy họ đã được tống đạt hợp lệ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt giữa Trần Thanh T và Phạm Văn T với Hà Mạnh H trong quá trình uống rượu nên vào khoảng 00h30 ngày 20/01/2026 T và T đã về nhà T lấy 02 con dao 01 con dao (dạng dao bầu) và 01 con dao (dạng dao phay) bỏ cốp xe để đánh nhau với H. Sau đó tại đường Quốc lộ 217 (cũ) khu vực chân dốc Mỏ Cuội thuộc thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hoá. Khi T, T và Phạm Văn L cùng một số người bạn đang đứng chờ thì Phạm Hùng D điều khiển xe chở H cầm 01 kiếm đi đến. Tại đây D giật kiếm từ H tiến lại nhóm T thì T cũng mở cốp lấy 01 con dao phay. D cầm kiếm và T cầm dao đứng chửi bới dọa đánh nhau thì D được T và L ôm căn ngăn giật kiếm và dao vứt ra vệ cỏ bên đường. Lúc này T tiếp tục lấy 01 con dao bầu trong cốp xe cầm trên tay thì H đi lại dùng tay kẹp, T đẩy H ra, H quay đầu bỏ chạy thì T dùng tay phải cầm dao bầu chém một cái vào vùng cổ của H. H bị thương, dùng tay ôm cổ bỏ chạy. Khi thấy Bùi Văn Đ đi xe mô tô đến thì L điều khiển xe mô tô chở T cầm kiếm, T cầm dao bầu lùa đuổi Đ, quá trình lùa đuổi T ném dao về phía Đ nhưng không trúng và T sử dụng kiếm chém vào phần áo phía sau lưng Đ. Qua giám định H bị tổn thương 04% sức khỏe, Đ không bị thương; 01 con dao bầu, 01 con dao phay thuộc danh mục dao có tính sát thương cao và 01 thanh kiếm thuộc danh mục vũ khí thô sơ.

Các bị cáo: Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H đã có hành vi cầm theo hung khí nguy hiểm (dao) điều khiển xe mô tô rượt đuổi nhau trên đường Quốc lộ 217 (cũ), thuộc khu vực Đ dân cư sinh sống.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX xét thấy: Hành vi của bị cáo: Trần Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" và "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng", quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo: Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Văn T cũng có hành vi dùng 01 dao bầu (thuộc danh mục dao có tính sát thương cao) ném về phía Đ nhưng không trúng, hành vi này chưa thể hiện được đặc tính sát thương cao của dao nên không xem xét tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Hành vi này đã được xem xét là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Hùng D chuẩn bị kiếm thuộc danh mục vũ khí thô sơ đi đánh nhau với nhóm của Trần Thanh T, D cầm kiếm chửi bới dọa đánh nhau với T, tuy

nhiên D chưa có hành vi gây sát thương vì vậy không xem xét D tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và tội "Cố ý gây thương tích".

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo theo tội danh trên; luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác, vi phạm quy định của Nhà nước về sử dụng vũ khí quân dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H đã xâm phạm xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội, cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, hành vi phạm tội là nghiêm trọng, vì vậy cũng phải cần phải xử lý nghiêm minh.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, phân chia nhiệm vụ từ trước.

Trần Thanh T khởi xướng và tích cực thực hiện việc gây thương tích và chuẩn bị dao có tính sát thương cao để làm công cụ phạm tội, vì vậy T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và chịu trách nhiệm độc lập về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và tội "Cố ý gây thương tích".

Phạm Văn T là người thực hành tích cực và giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo D, H và L tham gia hạn chế hơn nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân: Ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa từng bị xét xử hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Trần Thanh T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, Hà Mạnh H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T và Hà Mạnh H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

D, L, T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, Hà Mạnh H thực hiện hành vi với vai trò là thứ yếu và là bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Về hình phạt:

Bị cáo Trần Thanh T phạm tội nghiêm trọng với tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và ít nghiêm trọng với tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo đứng đầu vụ, thời điểm phạm tội bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình vì vậy cần phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục thành người tốt và đảm bảo răn đe phòng ngừa chung.

Các bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Hà Mạnh H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, vì vậy xử phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần Thanh T đã bồi thường thiệt hại đầy đủ, Hà Mạnh H không có yêu cầu, đề nghị gì khác về phần dân sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu, việc xử lý vật chứng là hợp pháp, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với các vật chứng là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu, sung ngân sách nhà nước gồm:

+ 01 (một) vật dài 29,2cm, không có ký hiệu (dao bầu) dao của Phạm Văn T được Trần Thanh T sử dụng để chém Hà Mạnh H.

+ 01 (một) vật có ký hiệu "XƯỞNG RÈN || T 0372583068 THÉP KHÔNG Rỉ" (dao phay) dao của Phạm Văn T được Trần Thanh T sử dụng để thách thức đánh nhau với Phạm Dùng D.

+ 01 (một) vật dài 94cm, không có ký hiệu (thanh kiếm), kiếm của Phạm Hùng D được Trần Thanh T sử dụng để ném về phía Đ.

[11] Về án phí sơ thẩm:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

T bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

T bố các bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Về hình phạt

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 9 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", 20 (hai mươi) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 29 (hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 22/01/2026.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 29 (hai mươi chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 58 (năm mươi tám) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm (30/6/2026).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Phạm Hùng D.

Xử phạt bị cáo Phạm Hùng D 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm (30/6/2026).

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm (30/6/2026).

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Mạnh H.

Xử phạt bị cáo Hà Mạnh H 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm (30/6/2026).

Giao bị cáo Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H cho UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 (một) vật dài 29,2cm, không có ký hiệu (dao bầu) dao của Phạm Văn T.

+ 01 (một) vật có ký hiệu "XƯỞNG RÈN || T 0372583068 THÉP KHÔNG RỈ" (dao phay) dao của Phạm Văn T.

+ 01 (một) vật dài 94cm, không có ký hiệu (thanh kiếm), kiếm của Phạm Hùng D.

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản và mô tả chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Thanh Hóa.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Các bị cáo Trần Thanh T, Phạm Hùng D, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Hà Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- P7-VSKND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Sơn